TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **34**/2018/HNGĐ-ST Ngày: 31-8-2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh, Thư ký Toà án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2018/TLST-HNGĐ ngày 07-5-2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: ấp XĐ3, xã ĐY, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0168.....

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trường Th**, sinh năm 1983 (vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp NH, xã ĐHA, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Số điện thoại 0129.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Thị T trình bày:* Năm 2012 chị và anh Nguyễn Trường Th kết hôn và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng A cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong quá trình chung sống tính tình vợ chồng không hợp nhau, tính cách anh Th rất khó khăn, ích kỷ, vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, nhưng anh Th vẫn không thay đổi tính tình. Do đó,

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, cho đến tháng 9 năm 2017 anh Th bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, không một lần quay trở về thăm vợ con, nên vợ chồng đã thật sự ly thân nhau.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012 hiện đang sống với chị.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với anh Nguyễn Trường Th;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 12/7/2018 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Nguyễn Trường Th trình bày:* Anh và chị Thị T chung sống với nhau khoảng tháng 6 năm 2012 đến tháng 8 năm 2012 đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐHA cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung với cha mẹ ruột anh tại ấp NH, xã ĐHA, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang được 01 năm thì vợ chồng chuyển đến ấp XĐ 3, xã ĐY, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang để cất nhà sống riêng. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, điều kiện kinh tế gia đình không ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau ngày càng nhiều, không thể khắc phục được nên anh anh đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp NH, xã ĐHA, huyện An Minh sinh sống từ khoảng tháng 11 năm 2017 đến nay. Sau khi ly thân vợ chồng đã tháo dỡ bỏ toàn bộ căn nhà, hiện không còn.

Về con: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012, hiện đang sống chung với chị T.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay theo yêu cầu của chị T, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị Thị T;

2. Về quan hệ nuôi con chung: Đồng ý giao con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn;

3. Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn chị Thị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Bị đơn anh Nguyễn Trường Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn chị Thị T trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Trường Th trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân, cho chị Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Trường Th; về quan hệ nuôi con chung, giao Nguyễn Trường G, sinh ngày 01/11/2012 là con chung của hai người cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Trường Th biết và quy đinh thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn chị Thị T. Nhưng bị đơn anh Th không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn anh Th, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn anh Th vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập cho bị đơn anh Nguyễn Trường Th, nhưng anh Th đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến

hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Trường Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị T và anh Nguyễn Trường Th khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã ĐH A, huyện An Minh cấp giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày 16-8-2012. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và thực tế đã ly thân nhau một thời gian dài. Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Th và bản thân anh Th cũng đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý ly hôn với chị T. Tuy chị T và ý chí của anh Th đã thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng HĐXX không thể ghi nhận sự thỏa thuận này của hai người, bởi từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay anh Th không một lần đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa ngày hôm nay. Từ đó cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh Th theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ nuôi con chung: Theo chị T và ý kiến bằng văn bản của anh Th thể hiện, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012, sau khi vợ chồng ly hôn giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T. Đến tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, còn anh Th tuy vắng mặt nhưng cũng không thể hiện ý kiến gì thay đổi lời trình bày của anh. Vì vậy, xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi chị và anh Th ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Thị T không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn chị T và bị đơn anh Th cùng thống nhất xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thị T và anh Nguyễn Trường Th.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Trường G, sinh ngày 02/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không cấp dưỡng nuôi con cùng chị T sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008721 ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2018), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã ĐHA;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Linh